

Phụ lục I
PHÂN CÔNG THEO DỐI CÁC MỤC TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 – 2030,
ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Mục tiêu	Đến năm 2027	Đến năm 2030	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Cơ quan chủ trì, theo dõi đánh giá
I	PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ, NÂNG CAO HIỆU QUẢ, HIỆU LỰC HOẠT ĐỘNG				
1	Hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa, lưu trữ điện tử và được tái sử dụng khi thực hiện thủ tục hành chính.	-	100%	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm PVHCC)
2	Người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	95%	99%	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm PVHCC)
3	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã sử dụng thống nhất, hiệu quả các nền tảng số dùng chung phục vụ chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công.	-	100%	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.	-	100%	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh được chuẩn hóa, kết nối, phân quyền và sẵn sàng khai thác cho AI.	-	100%	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Vận hành Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của tỉnh theo hướng ứng dụng AI, IoT, 5G, khai thác dữ liệu, hỗ trợ phân tích, dự báo và cảnh báo sớm các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội	-	Hoàn thành	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Mục tiêu	Đến năm 2027	Đến năm 2030	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Cơ quan chủ trì, theo dõi đánh giá
7	Cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước có hồ sơ điện tử theo quy định.	-	100%	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Sở Nội vụ
8	Số chỉ tiêu thống kê thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn từ nguồn dữ liệu hành chính.	-	70%	Các cơ quan, đơn vị cung cấp dữ liệu hành chính	Thống kê tỉnh
9	Cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số.	-	100%	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số, công nghệ thông tin được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật công nghệ số.	-	100%	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh
11	Cán bộ, công chức, viên chức có tài khoản và được đào tạo sử dụng nền tảng trợ lý Ảo.	-	100%	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ
12	Cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng công cụ số thông minh, trợ lý ảo trong xử lý công việc.	-	70%	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ
13	Thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	100%	-	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm PVHCC)
14	Hồ sơ, giấy tờ, thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính được kết nối, chia sẻ, tái sử dụng; người dân, doanh nghiệp không phải cung cấp lại thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước.	100%	-	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm PVHCC)

STT	Mục tiêu	Đến năm 2027	Đến năm 2030	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Cơ quan chủ trì, theo dõi đánh giá
15	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong một hoặc một số khâu (hỗ trợ tiếp nhận, hướng dẫn hồ sơ, tra cứu, phân loại, giám sát tiến độ).	100%	-	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm PVHCC)
16	Hồ sơ công việc cơ quan cấp tỉnh, xã, phường được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.	100%	-	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ
17	Thủ tục hành chính nội bộ trong cơ quan nhà nước được thực hiện trên môi trường số.	100%	-	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ
18	Tỉnh đạt cấp độ 3 về mức độ trưởng thành quản trị dữ liệu.	Cấp độ 3	-	Các sở, ban, ngành	Công an tỉnh
19	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI ở mức độ phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.	-	100%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm PVHCC)	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm PVHCC)
20	Dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mô hình quan trọng trong cuộc đời.	-	50%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm PVHCC)	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm PVHCC)
21	Cơ quan nhà nước cấp tỉnh cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn.	-	100%	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Mục tiêu	Đến năm 2027	Đến năm 2030	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Cơ quan chủ trì, theo dõi đánh giá
22	Nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được theo dõi, giám sát trên môi trường số.	-	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh
23	Hệ thống thông tin của tỉnh được phê duyệt, đánh giá bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ, kiểm tra định kỳ theo quy định.	-	100%	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Công an tỉnh
24	Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh được nâng cấp theo hướng tích hợp AI phục vụ phân tích, dự báo, cảnh báo, giám sát và hỗ trợ ra quyết định.	-	Hoàn thành	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
25	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu thông qua nền tảng LGSP, tuân thủ quy định về dữ liệu.	70%	100%	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ
26	Cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số được đào tạo kiến thức quản trị dữ liệu ở mức cơ bản.	50%	100%	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh
27	Tỉnh đạt cấp độ 4 về mức độ trưởng thành quản trị dữ liệu, phấn đấu tiếp cận cấp độ cao hơn đối với một số lĩnh vực trọng điểm.	-	Cấp độ 4	Các sở, ban, ngành	Công an tỉnh
28	Cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản.	100%	-	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ
II	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ, NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH				

STT	Mục tiêu	Đến năm 2027	Đến năm 2030	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Cơ quan chủ trì, theo dõi đánh giá
29	Quy mô kinh tế số trong GRDP tỉnh.	15%	≥30%	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Sở Tài chính (Thống kê tỉnh)
30	Hỗ trợ tối thiểu 3.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.	-	≥3.000 doanh nghiệp	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; UBND xã, phường	Sở Tài chính
31	Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt từ 15 - 20%.	15%	15 - 20%	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Sở Công Thương
32	Phần đầu đạt 45% số doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực thương mại tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước	-	45%	Sở Công Thương; doanh nghiệp; UBND xã, phường	Sở Công Thương
33	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng nền tảng số trong quản trị, sản xuất, kinh doanh, thương mại điện tử, thanh toán số.	50%	>70%	UBND xã, phường; doanh nghiệp viên thông, công nghệ số	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ
34	Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt gấp 30 lần GRDP.	-	Gấp 30 lần GRDP	Ngân hàng Nhà nước Khu vực 15; các tổ chức tín dụng; các sở, ngành, địa phương	Ngân hàng Nhà nước Khu vực 15

STT	Mục tiêu	Đến năm 2027	Đến năm 2030	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Cơ quan chủ trì, theo dõi đánh giá
35	Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt thương mại - dịch vụ.	50%	>70%	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường; các tổ chức, ngân hàng trên địa bàn tỉnh	Ngân hàng Nhà nước Khu vực 15
36	Trên 40% doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, sử dụng nền tảng “mô hình như một dịch vụ”, tác nhân AI hoặc giải pháp AI dùng chung.	-	>40%	Doanh nghiệp nhỏ và vừa; các cơ quan, đơn vị liên quan	Sở Khoa học và Công nghệ
37	Thúc đẩy chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh (nông nghiệp, thương mại - dịch vụ, du lịch, logistics, công nghiệp chế biến)	-	Thực hiện	Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Sở NN&MT; Sở VHTT&DL; Sở Xây dựng; Sở Công Thương
III	PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ, THU HẸP KHOẢNG CÁCH SỐ				
38	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% hộ gia đình.	-	100%	Doanh nghiệp viễn thông; UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ
39	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%.	80%	≥95%	UBND xã, phường; các tổ chức, ngân hàng trên địa bàn tỉnh	Ngân hàng Nhà nước Khu vực 15
40	Dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.	50%	>70%	UBND xã, phường; các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Mục tiêu	Đến năm 2027	Đến năm 2030	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Cơ quan chủ trì, theo dõi đánh giá
41	Người dân được lập Sổ sức khỏe điện tử.	>95%	100%	UBND xã, phường; các cơ sở y tế trên địa bàn	Sở Y tế
42	Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cơ bản cho tối thiểu 100.000 lượt người trong độ tuổi lao động.	-	≥100.000 lượt người	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ
43	Tỷ lệ người dân được phổ cập kỹ năng số bản.	80%	≥95%	UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh
44	Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng dân số.	90% dân số	99% dân số	UBND xã, phường; các doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ
45	Người dân có khả năng tiếp cận thông tin, truyền thông chính thống của tỉnh trên nền tảng số.	-	100%	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
46	Hộ gia đình có kết nối Internet được phổ cập nền tảng truyền hình số quốc gia.	-	100%	UBND xã, phường	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
IV	ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045				
47	Đến năm 2045, tỉnh Cà Mau thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số (theo báo cáo đánh giá chuyển đổi số (DTI) của Bộ Khoa học và Công nghệ).	-	-	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ
48	Đến năm 2045, quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 40% GRDP.	-	-	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Sở Tài chính